

Số: 1380 /TB-UBND

Bắc Từ Liêm, ngày 14 tháng 12 năm 2021

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quận năm 2021 và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2022 trình Hội đồng nhân dân quận

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Báo cáo số 809/BC-UBND ngày 10/12/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm về Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Quận năm 2021, Dự toán ngân sách Quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách Quận năm 2022 (Báo cáo tại kỳ họp thứ 4 Hội đồng nhân dân quận Bắc Từ Liêm khóa III);

Căn cứ Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 10/12/2021 của UBND quận Bắc Từ Liêm về dự toán ngân sách Quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2022 của quận Bắc Từ Liêm,

UBND quận Bắc Từ Liêm tổ chức công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quận năm 2021 và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2022 trình Hội đồng nhân dân quận, cụ thể như sau:

1. Nội dung công khai:

Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quận năm 2021 và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2022 trình Hội đồng nhân dân quận, cụ thể: Theo thuyết minh và các biểu đính kèm

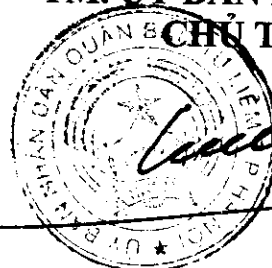
2. Hình thức công khai:

Công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND quận Bắc Từ Liêm tại địa chỉ: <https://bactuliem.hanoi.gov.vn/>

Nơi nhận:

- UBND Thành phố Hà Nội;
- Sở Tài chính, Sở Kế hoạch - Đầu tư;
- TT Quận ủy;
- TT HĐND - UBND Quận;
- Lãnh đạo UBND Quận;
- VP Quận ủy;
- Các phòng, ban thuộc Quận;
- UBND các phường;
- Cổng thông tin điện tử của Quận (Phòng VH TT);
- Lưu: VT, TCKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Ngọc Hà

Bắc Từ Liêm, ngày 14 tháng 12 năm 2021

THUYẾT MINH

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách quận năm 2021 và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2022 (tài liệu trình Hội đồng nhân dân quận)

Để thực hiện công tác công khai ngân sách nhà nước theo quy định tại thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách. UBND Quận Bắc Từ Liêm thực hiện dự toán ngân sách quận năm 2021 và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2022 trình Hội đồng nhân dân quận, cụ thể như sau:

A. Tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quận năm 2021

I. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách quận năm 2021.

(Chi tiết tại biểu 94/CK-NSNN)

1.1. Thu ngân sách trên địa bàn.

- Dự toán Thành phố giao năm 2021: 3.178,4 tỷ đồng.
- Ước thực hiện thu ngân sách ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2021: 3.210 tỷ đồng đạt 101% dự toán Thành phố và Quận giao; trong đó: Thu từ các sắc thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác: 2.431 tỷ đạt 122% dự toán TP giao (1.987,4 tỷ đồng). Thu tiền sử dụng đất: 779 tỷ đồng đạt 65% dự toán TP và Quận giao (1.191 tỷ đồng).

1.2. Thu ngân sách quận hưởng theo điều tiết:

- Dự toán Thành phố và Quận giao: 1.298 tỷ đồng
- Ước thực hiện thu điều tiết ngân sách năm 2021: 1.328 tỷ đồng đạt 102% dự toán Thành phố giao và Quận giao.

1.3. Đánh giá kết quả thực hiện thu ngân sách năm 2021.

Năm 2021, thu ngân sách mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và sự thay đổi chính sách thu của Trung ương như: Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021 theo quy định tại Nghị định 52/2021/NĐ-CP ngày 19/4/2021; điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân theo Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ngày 02 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; giảm 50% lệ phí

trước bạ đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định 103/2021/NĐ-CP ngày 26/11/2021 của Chính phủ... đã tác động đến kết quả thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận năm 2021. Tuy nhiên, UBND Quận đã bám sát các chỉ đạo của Thành ủy - HĐND - UBND Thành phố, chủ động, quyết liệt triển khai các giải pháp đồng bộ trong công tác quản lý thu, chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư nguồn lực phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/1/2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2021. Đồng thời tổ chức đồng bộ các giải pháp đôn đốc thu hồi nợ đọng, cưỡng chế nợ thuế đặc biệt là các khoản thu về đất (Kết quả thực hiện 11 tháng đầu năm Thu, xử lý nợ các khoản thu liên quan đến đất là 239.175 triệu đồng; Thu, xử lý nợ thuế, phí là: 40.086 triệu đồng; Thu, xử lý nợ tiền phạt và tiền chậm nộp là: 37.382 triệu đồng)

Chính vì vậy, Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn quận năm 2021 đạt 101% dự toán Thành phố giao, trong đó thu thuế phí, lệ phí và các khoản thu khác đạt 122% so với dự toán Thành phố giao tăng 20,5% so với thực hiện năm 2020. Một số sắc thuế có tỷ lệ thu cao như: Lệ phí trước bạ nhà đất đạt 103%, thuế thu nhập cá nhân đạt 119%, thuê mặt đất mặt nước đạt 174%, thu sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 104%, thu khác ngân sách đạt 303%.

II. Tình hình thực hiện Chi ngân sách năm 2021.

1. Kết quả thực hiện Chi ngân sách năm 2021.

Ước thực hiện chi ngân sách Quận năm 2021: 1.344 tỷ đồng đạt 107% dự toán thành phố giao và đạt 93% dự toán Quận giao, trong đó:

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện năm 2021: 580 tỷ đồng đạt 92% so với dự toán Thành phố giao và đạt 85% so với dự toán Quận giao (bao gồm cả kế hoạch vốn chuyển nguồn năm 2020).

+ Chi thường xuyên ngân sách quận ước thực hiện 2021: 764 tỷ đồng đạt 121% so với dự toán Thành phố giao và đạt 100% dự toán Quận giao.

(Chi tiết tại biểu 95/CK-NSNN)

2. Đánh giá chi ngân sách năm 2021.

Chi ngân sách nhà nước được thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước; ngay từ đầu năm, Quận đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành, UBND các phường thực hiện đồng bộ, quyết liệt các biện pháp quản lý, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chi ngân sách; thực hiện quản lý, điều hành chi ngân sách bám sát dự toán được HĐND Quận giao, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm; cơ cấu lại các khoản chi theo hướng tiết kiệm chi thường xuyên để dành nguồn cho đầu tư phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn ngân sách. UBND Quận đã chủ động tổ chức điều hành chi ngân sách theo dự toán ngân sách và

kịp thời sử dụng các nguồn thu phát sinh trong năm để thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh, ưu tiên các nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, giải quyết các vấn đề dân sinh cấp thiết và các dự án công trình trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế xã hội của Quận.

Mặc dù, chịu tác động tiêu cực từ đại dịch Covid-19 nhưng với các giải pháp đồng bộ, chủ động và quyết liệt, ngân sách quận vẫn chủ động, đảm bảo, đáp ứng kịp thời các khoản chi quan trọng cho các cấp, các ngành, đặc biệt là các nhiệm vụ quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh trật tự, các chính sách an sinh - xã hội, thực hiện các nhiệm vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh.

a. Đối với chi đầu tư phát triển:

Năm 2021 trong bối cảnh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; Được lãnh đạo Quận uỷ - HĐND - UBND Quận quan tâm, chỉ đạo sâu sát và luôn xác định công tác đầu tư là công tác trọng tâm của Quận, do đó công tác đầu tư năm 2021 đã đạt một số kết quả như sau:

- UBND Quận đã tổ chức giao Kế hoạch kinh tế xã hội và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2021 cho các dự án đúng thời hạn, đảm bảo cơ cấu đầu tư và thứ tự ưu tiên theo quy định tại Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 27/8/2020 của UBND Thành phố Hà Nội

- UBND Quận đã chỉ đạo triển khai công tác đầu tư XD CB ngay sau khi giao Kế hoạch đầu tư năm 2021; Xây dựng và ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 11/1/2021 triển khai thực hiện các dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm năm 2021, trong đó có kế hoạch tiến độ chi tiết đến từng dự án, kết hợp ban hành Kế hoạch triển khai công tác thu ngân sách năm 2021 số 11/KH-UBND ngày 11/01/2021 đảm bảo cân đối nguồn lực cho đầu tư.

- Công tác đầu tư năm 2021 của quận Bắc Từ Liêm đã có những kết quả tích cực:

- + 80% Các dự án khởi công mới đã hoàn thành công tác đấu thầu, khởi công trong quý II, III/2021. Dự kiến trong quý IV/2021 sẽ khởi công 100% dự án đủ điều kiện.

- + Công tác chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông khung lớn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Thành phố đạt được những kết quả tốt: 02 dự án đã có quyết định đầu tư, dự kiến được Thành phố bố trí vốn thực hiện năm 2022; Dự án Xây dựng tuyến đường nối từ Đỗ Nhuận qua Nhà máy nước Cáo Đình đến Chợ Xuân Đình đã được HĐND Thành phố phê duyệt Chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 29/3/2021.

- + Được sự quan tâm của lãnh đạo Thành uỷ –HĐND-UBND Thành phố và các sở, ngành Thành phố trong công tác phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án. Tại kỳ họp HĐND Thành phố cuối năm 2021, UBND Thành phố đã trình HĐND Quận xem xét, phê duyệt 01 dự án: Xây dựng tuyến đường từ đường

vành đai 3,5 đến đường nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài đến KCN Nam Thăng Long với tổng mức đầu tư dự kiến: 1.111.832 triệu đồng.

+ Các dự án trọng điểm của Thành phố trên địa bàn Quận đã được sớm khởi công và đẩy nhanh tiến độ như: Xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long; Một số dự án đã được UBND Thành phố phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi: Xây dựng, khớp nối đường giao thông khu chức năng đô thị Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm; Xây dựng trung tâm bồi dưỡng chính trị quận Bắc Từ Liêm.

b. Đối với chi thường xuyên:

Chi thường xuyên ngân sách quận đã đáp ứng được đầy đủ các nhu cầu thực hiện các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, bố trí đủ kinh phí để thực hiện các chính sách an sinh xã hội (tặng quà nhân dịp tết và các ngày lễ lớn cho các đối tượng chính sách, người có công, người nghèo; kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, học sinh, sinh viên, đối tượng bảo trợ xã hội,...); đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị quan trọng: công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; bố trí kinh phí kịp thời phòng chống dịch Covid -19, dịch sốt xuất huyết, dịch gia súc gia cầm và hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội.

Để chủ động trong điều hành thực hiện nhiệm vụ thu, chi năm 2021 theo dự toán đã được HĐND Quận quyết nghị trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch Covid-19, đồng thời tạo nguồn lực cho công tác phòng chống dịch Covid-19; UBND Quận đã chỉ đạo các phòng, ban, ngành, hội, đoàn thể, các đơn vị trực thuộc quận và UBND các Phường thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên, cắt giảm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2021, giảm 50% chi phí hội nghị theo Nghị quyết 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ; tạm dừng triển khai và cắt giảm kinh phí mua sắm trang thiết bị chưa thực hiện (trừ trang thiết bị phòng chống dịch, và các nhiệm vụ mua sắm cấp thiết khác); cắt giảm thu hồi các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết, chậm triển khai theo Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ. Tổng kinh phí đã thực hiện cắt giảm, tiết kiệm là: 15,4 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán năm 2021, đã thực hiện điều chỉnh, điều hòa dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị, cắt giảm các nhiệm vụ chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết để bổ sung cho các nhiệm vụ đột xuất phát sinh theo chỉ đạo của Thành phố và Quận.

B. Dự toán ngân sách Quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận Bắc Từ Liêm năm 2022

I. Dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán thu ngân sách năm 2022:

1. Thu NSNN trên địa bàn:

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn Quận giao bằng dự toán Thành phố giao: 3.657,22 tỷ đồng. Trong đó:

+ Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác: 1.737,22 tỷ đồng
(Số giao thu 1.737,22 tỷ đã bao gồm Phí lệ phí Trung Ương: 20,5 tỷ đồng, thu khác ngân sách Trung ương quản lý: 10,1 tỷ đồng; đây là những khoản thu thuộc ngân sách trung ương, ngân sách Quận không được hưởng điều tiết nhưng được giao nhiệm vụ thu trên địa bàn quận năm 2022)

+ Các khoản thu tiền sử dụng đất: 1.920 tỷ đồng

- Trong đó, giao nhiệm vụ phối hợp thu ngân sách cho các phường trên địa bàn quận là: 100,3 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 2,7% tổng thu ngân sách trên địa bàn.

- Ngoài ra, một số khoản thu sự nghiệp trên địa bàn quận Thành phố không giao, Quận giao cho các đơn vị để thực hiện thu theo đúng các quy định và thực hiện cân đối cho các nhiệm vụ chi của đơn vị nhằm giảm chi ngân sách Quận, không tính giao trong tổng thu ngân sách trên địa bàn, gồm:

+ Thu giá vệ sinh môi trường theo Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 và Quyết định 26/2018/QĐ-UBND ngày 2/11/2018 của UBND thành phố Hà Nội: Số giao thu 2021: 33,114 tỷ bằng so với dự toán năm 2021, sau khi trừ thuế, chi phí phục vụ công tác thu, số thu để lại cân đối chi cho công tác VSMT: 27,092 tỷ đồng.

+ Thu học phí tại các trường năm 2022 theo Nghị quyết 05/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021: Tổng số thu: 27 tỷ, cân đối chi: 40% số thu để tạo nguồn CCTL: 10,8 tỷ; 60% để cân đối chi thường xuyên tại các trường: 16,2 tỷ đồng. Ngoài ra giảm chi ngân sách quận cấp cho các trường tương ứng với 60% số thu học phí năm 2020 thu vượt so với DT được giao: 257 triệu đồng

1.2. Thu ngân sách Quận theo DT thành phố giao: 1.602,655 tỷ đồng

- Thu ngân sách Quận hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 1.578,858 tỷ đồng

+ Các khoản thu NS Quận hưởng 100%: 530,500 tỷ đồng

+ Các khoản thu NSQ hưởng theo tỷ lệ điều tiết: 1.048,358 tỷ đồng

- Thu bổ sung mục tiêu ngân sách Thành phố: 23,797 tỷ đồng

2. Dự toán chi ngân sách Quận và phân bổ dự toán chi ngân sách quận năm 2022:

Căn cứ vào số thu điều tiết ngân sách Quận được hưởng năm 2022, số dự toán Thành phố giao năm 2022. UBND Quận trình HĐND Quận giao dự toán chi năm 2022. Cụ thể như sau:

Tổng chi ngân sách Quận:

1.602,655 tỷ đồng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán Thành phố và Quận giao
I	Tổng chi cân đối ngân sách	1.578.858
1	Chi đầu tư phát triển	811.112
1.1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	791.112

STT	Chỉ tiêu	Dự toán Thành phố và Quận giao
-	Chi từ nguồn vốn ĐTXDCB phân cấp	119.112
-	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	672.000
1.2	Chi đầu tư phát triển khác	20.000
-	Bổ sung nguồn vốn ủy thác cho PGD Ngân hàng CSXH để cho vay giải quyết việc làm	20.000
2	Chi thường xuyên	736.168
	Trong đó: 10% TK chi TX để CCTL	34.446
3	Chi dự phòng ngân sách	31.578
II	Chi mục tiêu ngân sách Thành phố	23.797
	Tổng cộng	1.602.655

(Có danh mục các biểu số liệu kèm theo)

2.1. Phân bổ chi đầu tư XDCB:

Dự toán Thành phố và Quận giao: 811,112 tỷ đồng, trong đó:

- Dự toán chi đầu tư XDCB: 791,112 tỷ đồng. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cấp Quận theo nguồn thu như sau:

+ Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp: 119,112 tỷ đồng

+ Nguồn thu tiền sử dụng đất: 672 tỷ đồng

- Dự toán chi đầu tư phát triển khác: 20 tỷ đồng bổ sung nguồn vốn ủy thác cho PGD Ngân hàng CSXH để cho vay giải quyết việc làm phân bổ từ nguồn XDCB tập trung theo phân cấp

+ Chi từ nguồn CCTL (50% tăng thu DT 2021 so với DT 2017): 80 tỷ đồng.

2.2. Phân bổ chi thường xuyên:

Tổng chi thường xuyên ngân sách Quận năm 2022: 759,965 tỷ đồng, bao gồm:

+ Chi thường xuyên trong cân đối: 736,168 tỷ đồng tăng 141,851 tỷ đồng so với DT TP giao năm 2021 (năm 2021: 594,317 tỷ đồng).

+ Chi mục tiêu ngân sách TP: 23,797 tỷ đồng giảm so với năm 2021: 331 tỷ đồng (năm 2021: 24,128 tỷ đồng).

Ngoài ra, cân đối chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp tại các đơn vị năm 2022: 54,6 tỷ đồng từ nguồn thu giá dịch vụ VSMT, và 60% thu học phí khối mầm non và THCS các trường công lập trên địa bàn Quận.

2.3. Chi dự phòng ngân sách:

Chi dự phòng ngân sách quận năm 2021: 31,578 tỷ đồng bằng với dự toán Thành phố giao, và bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách Quận.

IV. Về chỉ tiêu thu giá vệ sinh môi trường năm 2022.

Trên cơ sở số ước thực hiện thu năm 2021, UBND quận giao chỉ tiêu thu cho đơn vị cung ứng dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn quận năm 2022: 33,114 tỷ đồng. Cụ thể:

+ Chỉ tiêu thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt (thu của các hộ dân); giá dịch vụ vệ sinh môi trường đối với chất thải công nghiệp thông thường (đối với các hộ sản xuất, kinh doanh): 15,78 tỷ đồng

+ Chỉ tiêu thu giá vệ sinh môi trường đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường đối với trường học, nhà trẻ, khu nội trú, trụ sở làm việc của các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, phòng giao dịch các ngân hàng, các doanh nghiệp và các tổ chức, cơ sở khác: 17,334 tỷ đồng.

Toàn bộ số thu trên sau khi thực hiện các nghĩa vụ về thuế và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định, đơn vị cung ứng dịch vụ duy trì vệ sinh môi trường được sử dụng 10% để phục vụ cho công tác thu. Số còn lại được UBND quận sử dụng để chi cho công tác duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn Quận.

Chỉ tiêu giao chỉ mang tính định hướng, đơn vị thu phải có trách nhiệm thực hiện thu giá VSMT trên địa bàn quận đảm bảo tích cực trong công tác thu nhằm đáp ứng mục tiêu giảm chi ngân sách Quận cho công tác VSMT; thực hiện thu đúng, thu đủ, đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch.

Trên đây là thuyết minh số liệu dự toán ngân sách quận và phương án phân bổ dự toán ngân sách quận năm 2022 trình Hội đồng nhân dân Quận của UBND quận Bắc Từ Liêm./.

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN BẮC TỪ LIÊM NĂM 2022*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán Quận giao năm 2021	ƯTH NĂM 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH QUẬN	4.781.145	4.811.231	1.602.655	33%
I	Thu ngân sách quận được hưởng theo phân cấp	1.298.380	1.328.466	1.578.858	119%
-	Thu ngân sách quận hưởng 100%	383.600	659.021	530.500	80%
-	Thu ngân sách quận hưởng từ các khoản thu phân chia	914.780	669.446	1.048.358	157%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	95.946	95.946	23.797	25%
-	Thu bổ sung cân đối	34.312	34.312	0	0%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	61.634	61.634	23.797	39%
III	Thu kết dư	1.392.350	1.392.350		0%
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.994.469	1.994.469		0%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.520.376	1.413.944	1.602.655	105%
I	Tổng chi cân đối ngân sách quận	1.458.742	1.352.310	1.578.858	108%
1	Chi đầu tư phát triển	686.864	580.432	811.112	118%
2	Chi thường xuyên	662.303	662.303	736.168	111%
3	Dự phòng ngân sách	40.000	40.000	31.578	79%
4	Chi dành nguồn CCTL	69.575	69.575		0%
II	Chi mục tiêu từ NS TP	61.634	61.634	23.797	39%

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP QUẬN
VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2022**
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	ƯTH NĂM 2021	Dự toán năm 2022	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP QUẬN				
I	Nguồn thu ngân sách	4.581.307	4.611.393	1.602.655	35%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.298.380	1.328.466	1.578.858	119%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	95.946	95.946	23.797	25%
-	Thu bổ sung cân đối	34.312	34.312		0%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	61.634	61.634	23.797	39%
3	Thu kết dư	1.320.009	1.320.009		
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.866.972	1.866.972	0	
II	Chi ngân sách	1.491.810	1.385.378	1.602.655	107%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp quận	1.447.931	1.341.499	1.602.655	111%
2	Chi bổ sung cho ngân sách phường	43.879	43.879		0%
-	Chi bổ sung cân đối	27.469	27.469		0%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	16.410	16.410		0%
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	0		0	
B	NGÂN SÁCH PHƯỜNG	0		0	
I	Nguồn thu ngân sách	274.273	274.273	0	0%
1	Thu ngân sách phường được hưởng theo phân cấp	30.556	30.556		0%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	43.879	43.879		0%
-	Thu bổ sung cân đối	27.469	27.469		0%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	16.410	16.410		0%
3	Thu kết dư	72.341	72.341		0%
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	127.497	127.497		0%
II	Chi ngân sách	274.273	274.273		0%

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP	TỔNG THU NSNN	THU NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.210.184	1.328.466	3.657.220	1.578.858	114%	119%
I	Thu thuế, phí lệ phí, thu khác	2.430.913	957.139	1.737.220	906.858	71%	95%
1	Thuế công thương nghiệp dịch vụ NQD	867.170	305.834	826.820	266.418	95%	87%
-	Thuế giá trị gia tăng	546.133	191.147	594.270	190.166	109%	99%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.740	609	1.050	336	60%	55%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	315.721	110.502	228.800	73.216	72%	66%
-	Thuế tài nguyên	3.576	3.576	2.700	2.700	76%	76%
2	Lệ phí trước bạ	285.515	160.543	251.500	251.500	88%	157%
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	93.250	93.250	90.000	90.000	97%	97%
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy.	192.265	67.293	161.500	161.500	84%	240%
3	Thuế đất phi nông nghiệp + nhà đất	28.052	28.052	28.900	28.900	103%	103%
4	Thuế thu nhập cá nhân	357.320	125.062	352.000	112.640	99%	90%
5	Phí, lệ phí	442.828	19.796	40.600	20.100	9%	102%
-	Phí, lệ phí Quận	17.312	17.312	20.100	20.100	116%	116%
-	Phí, lệ phí phường	2.484	2.484	0	-	0%	0%
	Phí, lệ phí Trung ương	423.032		20.500			
6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	295.461	295.461	210.000	210.000	71%	71%
7	Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất	1.622	1.622			0%	0%
8	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản	132	132	300	300	227%	227%
9	Thu khác ngân sách	78.869	18.889	27.100	17.000	34%	90%
10	Thu đóng góp cơ sở hạ tầng	73.944	1.748		-	0%	0%
II	Thu tiền sử dụng đất	779.270	371.327	1.920.000	672.000	246%	181%
-	Thu đối với đất có quy mô từ 5000m2 trở lên hoặc dưới 5000m2 tiếp giáp đường phố	582.776	174.833	1.885.000	659.750	323%	377%
+	Thu giao đất dự án	465.851	139.755	1.165.000	407.750	250%	292%
+	Thu đất đấu giá	116.925	35.078	720.000	252.000	616%	718%
-	Đất có quy mô dưới 5000m2 (nhỏ lẻ xen kẹt) không tiếp giáp đường phố	196.494	196.494	35.000	12.250	18%	6%
+	Thu đấu giá đất	29.438	29.438		-		
+	Thu khác	167.056	167.056	35.000	12.250	21%	7%

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN, CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN
VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách quận
1	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.602.655
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN	1.578.858
I	Chi đầu tư phát triển	811.112
1	Chi đầu tư XDCB	791.112
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	369.762
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	2.500
1.4	Chi văn hóa thông tin thể thao	69.200
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	261.350
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	6.300
1.10	Chi khác	82.000
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	811.112
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	672.000
-	Chi đầu tư từ nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	139.112
2	Chi đầu tư phát triển khác	20.000
II	Chi thường xuyên	736.168
	Trong đó:	
1	Chi quản lý hành chính	145.775
2	Chi SN Giáo dục, đào tạo	373.260
3	Chi SN Y tế	2.939
4	Chi SN văn hoá thông tin, du lịch	5.200
5	Chi SN thể dục thể thao	5.524
6	Chi sự nghiệp truyền thanh	1.054
7	Chi đảm bảo xã hội	61.290
8	Chi quốc phòng	19.734
9	Chi An ninh	23.233
10	Chi sự nghiệp kinh tế	35.580
11	Chi SN môi trường	59.998
12	Chi khác	2.583
III	Chi dự phòng ngân sách	31.578
B	CHI MỤC TIÊU NS THÀNH PHỐ	23.797

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	Chi từ Nguồn Mục tiêu NS Thành phố		
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỆU	CHI THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng chi	1.602.655	811.112	736.168	31.578	0	23.797	0	23.797
A	Chi NS quận	1.602.655	811.112	736.168	31.578	0	23.797	0	23.797
I	Các đơn vị của Quận	1.448.306	729.112	695.397	0	0	23.797	0	23.797
1	Văn phòng Quận uỷ	22.792	0	15.800	0	0	6.992	0	6.992
2	Mặt trận tổ quốc	2.013	0	2.013	0	0	0	0	0
3	Hội phụ nữ	1.571	0	1.571	0	0	0	0	0
4	Hội CCB	970	0	970	0	0	0	0	0
5	Văn phòng HĐND-UBND	13.445	0	13.445	0	0	0	0	0
6	Phòng TNMT	3.741	0	3.741	0	0	0	0	0
7	Phòng tư pháp	4.098	0	4.098	0	0	0	0	0
8	Phòng quản lý đô thị	4.252	0	4.252	0	0	0	0	0
9	PHòng lao động TBXH	53.238	0	50.876	0	0	2.362	0	2.362
10	- Văn phòng ủy ban	0	0	0	0	0	0	0	0
11	- PHÒNG lao động TBXH	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Phòng kinh tế	3.942	0	3.942	0	0	0	0	0
13	Phòng văn hóa thông tin	5.324	0	5.324	0	0	0	0	0
14	Phòng nội vụ	6.270	0	6.270	0	0	0	0	0
15	Phòng thanh tra	1.731	0	1.731	0	0	0	0	0
16	Trạm chăn nuôi và thú y	200	0	200	0	0	0	0	0

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	Chi từ Nguồn Mục tiêu NS Thành phố		
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
17	Trạm khuyến nông, Bảo vệ thực vật	163	0	163	0	0	0	0	0
18	Phòng giáo dục và đào tạo	5.002	0	4.780	0	0	221	0	221
19	Khối mầm non	104.525	0	99.597	0	0	4.928	0	4.928
20	Khối tiểu học	137.271	0	137.271	0	0	0	0	0
21	Khối THCS	107.690	0	100.396	0	0	7.294	0	7.294
22	Tribd Chính trị	2.832	0	2.832	0	0	0	0	0
23	Phòng y tế	959	0	959	0	0	0	0	0
24	Phòng tài chính - Kế hoạch	2.358	0	2.358	0	0	0	0	0
25	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	5.133	0	5.133	0	0	0	0	0
26	TT văn hoá thông tin và thể thao	6.572	0	6.572	0	0	0	0	0
27	Ban quản lý dự án ĐTXD	715.090	643.512	71.578	0	0	0	0	0
28	Đoàn thanh niên CSHCM	2.096	0	2.096	0	0	0	0	0
29	Trung tâm phát triển quỹ đất	3.597	0	3.597	0	0	0	0	0
30	BCH quân sự	13.695	0	11.695	0	0	2.000	0	2.000
31	Công an	7.214	0	7.214	0	0	0	0	0
32	Ban chỉ đạo 389 (Đội QLTT số 28)	162	0	162	0	0	0	0	0
33	Tòa án nhân dân	302	0	302	0	0	0	0	0
34	Kho bạc nhà nước	225	0	225	0	0	0	0	0
35	Chi cục thuế	600	0	600	0	0	0	0	0
36	Chi cục thống kê	405	0	405	0	0	0	0	0
37	PGD Ngân hàng chính sách XH	20.100	20.000	100	0	0	0	0	0
38	Liên đoàn lao động	122	0	122	0	0	0	0	0

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	Chi từ Nguồn Mục tiêu NS Thành phố		
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỆU	CHI THƯỜNG XUYỀN
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
39	Viện kiểm sát nhân dân	324	0	324	0	0	0	0	0
40	Chi cục Thi hành án	185	0	185	0	0	0	0	0
41	Bảo hiểm xã hội	7.292	0	7.292	0	0	0	0	0
42	Trung tâm y tế	470	0	470	0	0	0	0	0
43	Thanh tra giao thông	100	0	100	0	0	0	0	0
44	Hội người mù	552	0	552	0	0	0	0	0
45	Hội chữ thập đỏ	941	0	941	0	0	0	0	0
46	Ban đại diện người cao tuổi	212	0	212	0	0	0	0	0
47	Hội người khuyết tật	163	0	163	0	0	0	0	0
48	Hội nạn nhân chất độc da cam	139	0	139	0	0	0	0	0
49	Hội khuyến học	184	0	184	0	0	0	0	0
50	Hội luật gia	231	0	231	0	0	0	0	0
51	Hội cựu TNXP	209	0	209	0	0	0	0	0
52	Hội cựu giáo chức	50	0	50	0	0	0	0	0
53	Hội đồng y	106	0	106	0	0	0	0	0
54	Chi hội kế toán	32	0	32	0	0	0	0	0
55	UBND các Phường	177.417	65.600	111.817	0	0	0	0	0
II	Chi khác	122.771	82.000	40.771	0	0	0	0	0
III	Dự phòng	31.578	0	0	31.578				

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	DỰ TOÁN NĂM 2021															Chi dự phòng	Chi từ nguồn MTTP
		Tổng dự toán	Tổng chi cân đối ngân sách quận	Chi thường xuyên (theo lĩnh vực)														
				QLHC Đảng, đoàn thể	SN môi trường	SN kinh tế	SN GDDT	SN y tế, dân số gia đình	SN VH-TT	SN phát thanh	SN TĐTT	SN đảm bảo xã hội	An Ninh	Quốc Phòng	Chi khác			
																Bao gồm		
1	2	3=4+7+22	7	861	862	864	864	866	868	869	871	873	874	875	877			
	Tổng chi	759.965	736.168	145.775	59.998	35.580	373.260	2.939	5.200	1.054	5.524	61.290	23.233	19.734	2.583	0	23.797	
A	Chi NS quận	759.965	736.168	145.775	59.998	35.580	373.260	2.939	5.200	1.054	5.524	61.290	23.233	19.734	2.583	0	23.797	
1	Các đơn vị của Quận	719.194	695.397	145.775	59.998	24.668	343.401	2.939	5.200	1.054	5.524	61.290	23.233	19.734	2.583	0	23.797	
1	Văn phòng Quận ủy	22.792	15.800	15.800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6.992	
2	Mặt trận tổ quốc	2.013	2.013	2.013	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Hội phụ nữ	1.571	1.571	1.571	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Hội CCB	970	970	970	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Văn phòng HĐND-UBND	13.445	13.445	13.445	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Phòng TNMT	3.741	3.741	2.035	884	822	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	Phòng tư pháp	4.098	4.098	4.098	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Phòng quản lý đô thị	4.252	4.252	1.477	0	2.775	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	PHÒNG lao động TBXH	53.238	50.876	1.350	0	0	0	0	0	0	0	49.526	0	0	0	0	2.362	
10	- Văn phòng ủy ban	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	- PHÒNG lao động TBXH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
12	Phòng kinh tế	3.942	3.942	1.763	0	2.179	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
13	Phòng văn hóa thông tin	5.324	5.324	3.146	0	0	0	0	2.098	0	80	0	0	0	0	0	0	
14	Phòng nội vụ	6.270	6.270	6.270	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	Phòng thanh tra	1.731	1.731	1.731	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
16	Trạm chăn nuôi và thú y	200	200	0	0	200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Trạm khuyến nông, Bảo vệ thực vật	163	163	0	0	163	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	Phòng giáo dục và đào tạo	5.002	4.780	1.475	0	0	3.305	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
19	Khối mầm non	104.525	99.597	0	0	0	99.597	0	0	0	0	0	0	0	0	0	221	
20	Khối tiểu học	137.271	137.271	0	0	0	137.271	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4.928	
21	Khối THCS	107.690	100.396	0	0	0	100.396	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7.294	
22	TTBD Chính trị	2.832	2.832	0	0	0	2.832	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
23	Phòng y tế	959	959	652	0	0	0	307	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
24	Phòng tài chính - Kế hoạch	2.358	2.358	2.358	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
25	Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị	5.133	5.133	5.133	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
26	TT văn hoá thông tin và thể thao	6.572	6.572	0	0	0	0	0	1.564	0	5.009	0	0	0	0	0	0	
27	Ban quản lý dự án ĐTXD	71.578	71.578	0	58.887	12.691	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
28	Đoàn thanh niên CSHCM	2.096	2.096	2.096	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
29	Trung tâm phát triển quỹ đất	3.597	3.597	3.597	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
30	BCH quân sự	13.695	11.695	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11.695	0	0	2.000	
31	Công an	7.214	7.214	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7.214	0	0	0	0	
32	Ban chỉ đạo 389 (Đội QLTT số 28)	162	162	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	162	0	0	
33	Tòa án nhân dân	302	302	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	302	0	0	
34	Kho bạc nhà nước	225	225	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	225	0	0	
35	Chi cục thuế	600	600	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	0	0	
36	Chi cục thống kê	405	405	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	405	0	0	
37	PGD Ngân hàng chính sách XH	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	0	0	
38	Liên đoàn lao động	122	122	122	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
39	Viện kiểm sát nhân dân	324	324	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	324	0	0	
40	Chi cục Thi hành án	185	185	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	185	0	0	
41	Bảo hiểm xã hội	7.292	7.292	0	0	0	0	941	0	0	0	6.171	0	0	180	0	0	
42	Trung tâm y tế	470	470	0	0	0	0	470	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
43	Thanh tra giao thông	100	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	0	0	

[illegible]

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022
NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH QUẬN BẮC TỪ LIÊM

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt CTĐT hoặc dự án, BCKTKT				Lấy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	Kế hoạch vốn đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021	Dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2022			Chủ đầu tư
				Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư							
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP						
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng cộng			-	-	3.224.860	164.989	1.736.583	2.185.567	811.112	139.112	672.000	
A.1	Chuẩn bị đầu tư, quyết toán dự án hoàn thành, hoàn trả vốn ứng Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố, bố trí vốn ủy thác ngân hàng chính sách xã hội cho vay,					0	0	0	0	102.000	47.000	55.000	-
1	Vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới năm 2022 và năm 2023									5.000		5.000	
2	Nhiệm vụ quy hoạch									2.000	2.000		
3	Hoàn trả vốn ứng Quỹ phát triển đất ủy thác qua Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố									50.000		50.000	
4	Vốn thanh quyết toán dự án hoàn thành									25.000	25.000		
5	Bổ sung vốn ủy thác ngân hàng chính sách xã hội cho vay giải quyết việc làm									20.000	20.000		

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lấy kế hoạch ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A.2	Thực hiện dự án					3.224.860	164.989	1.736.583	2.185.567	709.112	92.112	617.000	
*	Dự án chuyển tiếp					3.080.903	157.739	1.736.583	2.185.567	613.512	83.212	530.300	
*	Dự án khởi công mới					143.957	7.250	0	0	95.600	8.900	86.700	
I	Lĩnh vực Giao thông					1.265.061	29.015	812.049	906.425	212.250	74.350	137.900	
*	Dự án chuyển tiếp					1.238.111	28.480	812.049	906.425	194.650	71.450	123.200	
1	Cải tạo đường, rãnh thoát nước ngõ 14 phố Châu Đài (TDP TC 2); ngách 80/5 phố Châu Đài, ngách 212/75 đường Thượng (TDP TC3) và ngõ 254 đường Thượng Cát (TDP Đồng Ba 3)	Thượng Cát	2021-2022	6662/QĐ-UBND	30/11/2020	2.851	143		2.000	500		500	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
2	Xây dựng đường từ đường Phạm Văn Đồng đến khu đô thị Nam Cường (Tuyến 2)	Cổ Nhuế 1	2021-2023	1520/QĐ-UBND	4/6/2021	9.149	745		4.000	4.500	4.500		UBND phường Thượng Cát
3	Cải tạo, chỉnh trang, sửa chữa tuyến đường Phú Diễn - Trại Gà, phường Phú Diễn	Phường Phú Diễn	2019-2023	Số 6098/QĐ-UBND	31/10/2018	73.057	590	14.124	37.999	35.000		35.000	Ban Quản lý dự án Quận
4	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Hoàng Tăng Bí đến phố Viên, quận Bắc Từ Liêm	Cổ Nhuế 2	2019-2022	2586/QĐ-UBND,	ngày 07/4/2008	179.345		123.526	130.434	32.900		32.900	Ban Quản lý dự án Quận
5	Xây dựng tuyến đường nối từ đường chung cư 11 tầng - cục quản trị A phường Cổ Nhuế 1 đi đường Phạm Văn Đồng	Cổ Nhuế 1	2016-2022	Số 1735/QĐ-UBND	18/6/2021	9.131	435	5.191	6.817	2.100	2.100		Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
6	Đường nghĩa trang Thượng Cát nối đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long ra đường vành đai 4	Phường Thượng Cát	2009-6/2022	Số 1780/QĐ-UBND	14/4/2009	37.668	3.424	31.114	33.114	1.500		1.500	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
8	Xây dựng đường vào trường mầm non Phú Diễn, phường Phú Diễn A	Phú Diễn	2019-2022	Số 6101/QĐ-UBND	ngày 31/10/2018	14.260	679	4.181	10.070	3.000	3.000		Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến mương thoát nước đô thị kết hợp làm đường giao thông theo quy hoạch, phường Đức Thắng	Đức Thắng	2019-2022	6103/QĐ-UBND	31/10/2018	40.720	2.174	25.292	35.554	7.300	7.300		Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
10	Xây dựng đường vào khu trung tâm hành chính quận Bắc Từ Liêm	Minh Khai	2019-2022	Số 6102/QĐ-UBND	31/10/2018	141.350	5.150	64.600	76.700	20.300		20.300	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
11	Xây dựng tuyến đường ao Dải, phường Đức Thắng (đoạn từ Hoàng Tăng Bí đến đường xóm 6)	Đức Thắng	2016-2022	Số 979/QĐ-UBND	31/3/2016	47.329	4.714	27.563	27.563	10.000	10.000		Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
12	Cải tạo, chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ, ngách 421, 421/33, 421/44, 205/139, 187, 290, 316, 355/83 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình	Xuân Đình	2021-2023	4022/QĐ-UBND	4/11/2021	2.417	115		1.500	700	700		UBND phường Xuân Đình
13	Xây dựng tuyến đường từ khu công nghiệp Nam Thăng Long đi đường vành đai 4	Phường Thụy Phương - Thượng Cát	2009-2020	2586/QĐ-UBND	7/4/2008	474.742		412.736	430.952	33.000		33.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
14	Xây dựng đường vào khu công nghiệp Nam Thăng Long (nối từ đường Hoàng Quốc Việt kéo dài) - giai đoạn 1, quận Bắc Từ Liêm	Phường Cổ Nhuế 1	2007-7/2021	5906/QĐ-UBND	28/12/2007	206.092	10.311	103.722	109.722	43.850	43.850		Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
*	Dự án khởi công mới	-	-	-	-	26.950	535	-	-	17.600	2.900	14.700	
1	Cải tạo chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngách 21/20, ngách 21/34, phường Đông Ngạc	Đông Ngạc	2022-2023	3908/QĐ-UBND	29/10/2021	919				800	800		UBND phường Đông Ngạc
2	cải tạo, chỉnh trang đường, RTN ngõ 401/72/9, 457,457/41,457/57,477,477/2 đường Xuân Đình, phường Xuân Đình	Xuân Đình	2021-2022	4023/QĐ-UBND	04/11/2021	1.427	68			1.200	1.200		UBND phường Xuân Đình

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	Đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	cải tạo chỉnh trang đường, RTN ngõ 46, 87/23, 87/33 đường Tân Xuân phường Xuân Đỉnh	Xuân Đỉnh	2021-2022	4097/QĐ-UBND	09/11/2021	994	48			900	900		UBND phường Xuân Đỉnh
4	cải tạo, chỉnh trang đường, RTN ngõ 355/62/11, 355/83/22 đường Xuân Đỉnh, ngõ 337/5, 337/68, 337/80, 337/97 đường Phạm Văn Đồng phường Xuân Đỉnh	Xuân Đỉnh	2021-2022	4096/QĐ-UBND	09/11/2021	767	36			700		700	UBND phường Xuân Đỉnh
5	Chỉnh trang đường và rãnh thoát nước các tuyến ngõ nhánh TDP Kiểu Mai, Đức Diễn, phường Phúc Diễn	Phúc Diễn	2022-2023	4641/QĐ-UBND	26/11/2021	2.300				2.000		2.000	UBND phường Phúc Diễn
6	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Yên Nội 1, 2, 3 và TDP Hoàng Xá	Liên Mạc	2022-2024	4642/QĐ-UBND	26/11/2021	1.216	58			1.000		1.000	UBND phường Liên Mạc
7	Cải tạo đường, hệ thống thoát nước TDP Trù 1, Đống 3, 4, 6, phường Cổ Nhuế 2	Cổ Nhuế 2	2022-2023	4967/QĐ-UBND	9/12/2021	1.245	59			1.000		1.000	UBND phường Cổ Nhuế 2
8	Cải tạo, chỉnh trang đường tuyến, nhánh 59/147 thuộc ngõ 147; hẻm 2/29/8m nhánh 2/29, nhánh 2/51 thuộc ngõ 2, nhánh 40/42 ngõ 42 đường Xuân Đỉnh, phường Xuân Tảo	Xuân Tảo	2022-2023	4966/QĐ-UBND	9/12/2021	815	39			700		700	UBND phường Xuân Tảo
9	Cải tạo, chỉnh trang đường, rãnh thoát nước ngõ 152, 152/1, 152/2, 152/3, 167, 205/139, 205/157, 207/28, 207/65/10, 277 đường Xuân Đỉnh	Phường Xuân Đỉnh	2020-2022	Số 4990/QĐ-UBND	10/12/2021	1.598	76			1.300		1.300	UBND phường Xuân Đỉnh
10	Cải tạo đường, rãnh thoát nước TDP Viên 1, 3, 4, 5, phường Cổ Nhuế 2	Cổ Nhuế 2	2022-2023	Số 5002/QĐ-UBND	10/12/2021	2.970				1.500		1.500	UBND phường Cổ Nhuế 2
11	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước nhánh 40/75, nhánh 58/75, nhánh 66/75 ngõ 75, TDP số 2; Hẻm 53/42/2 ngõ 42 đường Xuân Đỉnh, ngõ 205 đường Nguyễn Hoàng Tôn TDP số 4 phường Xuân Tảo	Xuân Tảo	2022-2023	Số 5003/QĐ-UBND	10/12/2021	633				500		500	UBND phường Xuân Tảo

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lũy kế giai ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước liên TDP Ngọn Long, phường Minh Khai	Minh Khai	2022 - 2023	Số 5004/QĐ-UBND	10/12/2021	2.521				1.300		1.300	UBND phường Minh Khai
13	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước liên TDP Phúc Lý 1, 2, 3, 4, phường Minh Khai	Minh Khai	2022 - 2023	4989/QĐ-UBND	10/12/2021	1.711				600		600	UBND phường Minh Khai
14	Chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP Văn Trĩ 1, 2, 3, 4, phường Minh Khai	Minh Khai	2022 - 2023	4988/QĐ-UBND	10/12/2021	4.653				1.500		1.500	UBND phường Minh Khai
15	Cải tạo, chỉnh trang đường, rãnh thoát nước TDP số 1, 3, 6, 8, 11, 12 phường Phú Diễn	Phú Diễn	2022-2023	4995/QĐ-UBND	10/12/2021	1.874	89			1.600		1.600	UBND phường Phú Diễn
16	Cải tạo đường, rãnh thoát nước tổ dân phố Đại Cát 1,2,3, phường Liên Mạc	Liên Mạc	2022-2024	4996/QĐ-UBND	10/12/2021	1.307	62			1.000		1.000	UBND phường Liên Mạc
II	Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	0	0			1.619.961	119.474	630.385	870.525	369.762	6.762	363.000	
*	Dự án chuyển tiếp	0	0	0	44.000	1.546.036	113.085	630.385	870.525	320.562	6.762	313.800	
1	Xây dựng trường trung học cơ sở chất lượng cao Bắc Từ Liêm	Tây Từ	2019-2023	6209/QĐ-UBND	31/10/2019	187.446	21.512	82.531	112.531	20.000		20.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
2	Xây dựng trường tiểu học chất lượng cao Bắc Từ Liêm	Tây Từ	2016-2022	Số 5361/QĐ-UBND	29/10/2016	156.346	17.869	75.784	116.051	5.000		5.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
3	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng đô thị Tây Từ (NT - 01)	Tây Từ	2016-2022	6206/QĐ-UBND	31/10/2019	97.524	8.866	57.823	75.323	12.000		12.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
4	Xây dựng trường mầm non trong khu chức năng đô thị Tây Từ (NT - 02)	Tây Từ	2019-2023	6208/QĐ-UBND	31/10/2018	93.280	8.480	48.500	68.500	10.000		10.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
5	Xây dựng trường THCS trong khu chức năng đô thị Tây Từ (THCS - 01)	Tây Từ	2019-2023	Số 6207/QĐ-UBND	31/10/2019	151.542	15.853	69.500	96.500	20.000		20.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
6	Xây dựng trường Tiểu học trong khu chức năng đô thị Tây Từ (TH - 01)	Tây Từ	2020-2024	6205/QĐ-UBND	31/10/2019	111.430	2.789	62.500	94.500	10.000		10.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lũy kế giai đoạn từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Cải tạo chính trang trường tiểu học Cổ Nhuế 2B, phường Cổ Nhuế 2	Cổ Nhuế 2	2021-2023	6720/QĐ-UBND	4/12/2020	51.993		-	22.000	19.000		19.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
8	Mở rộng trường THCS Minh Khai	Minh Khai	2021-2023	5/NQ-HĐND	18/06/2020	99.469	4.973		35.000	19.200		19.200	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
9	Xây dựng trường mầm non Đồng Ngạc C	Đồng Ngạc	2018-2022	Số 238/TTHĐN D	30/11/2016	52.000		16.595	17.346	15.000		15.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
10	Mở rộng, cải tạo trường mầm non Liên Mạc	Phường Liên Mạc	2017-2022	Số 4362/QĐ-UBND	25/10/2015	27.000		16.139		3.500		3.500	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
11	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường Tiểu học Liên Mạc	Liên Mạc	2021-2022	3923/QĐ-UBND	29/10/2021	4.354			1.600	2.600		2.600	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
12	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường Tiểu học Tây Tựu A	Tây Tựu	2021-2022	3922/QĐ-UBND	29/10/2021	3.366			1.200	2.000		2.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
13	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường THCS Thượng Cát	Thượng Cát	2021-2022	3924/QĐ-UBND	29/10/2021	3.913			1.400	2.400		2.400	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
14	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường Tiểu học Xuân Đình	Xuân Đình	2021-2022	3919/QĐ-UBND	29/10/2021	6.141			2.200	3.800		3.800	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
15	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường Tiểu học Minh Khai A	Minh Khai	2021-2022	3925/QĐ-UBND	29/10/2021	7.289			2.600	4.500		4.500	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
16	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường Mầm non Phúc Lý	Minh Khai	2021-2022	3921/QĐ-UBND	29/10/2021	1.079	51		400	600		600	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lũy kế giá trị ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	Đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
17	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường THCS Phúc Diễn	Phúc Diễn	2021-2022	3920/QĐ-UBND	29/10/2021	3.628			1.300	2.200		2.200	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
18	Mua sắm thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trường Tiểu học Phúc Diễn	Phúc Diễn	2021-2022	3918/QĐ-UBND	29/10/2021	7.912			2.800	5.000		5.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
19	Xây dựng trường THCS Cổ Nhuế 1	Phường Cổ Nhuế 1	2016-2021	Số 4978/QĐ-UBND	31/10/2015	110.866	10.000	60.316	67.816	30.500		30.500	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
20	Xây dựng trường tiểu học Cổ Nhuế 1	Phường Cổ Nhuế 1	2017-2021	Số 1665/QĐ-UBND	29/4/2016	76.400		41.008	44.008	7.000		7.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
21	Xây dựng trường tiểu học Đồng Ngạc	Phường Đồng Ngạc	2019-2021	6095/QĐ-UBND	31/10/2018	118.601	13.020	87.739	95.500	6.762	6.762		Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
22	Xây dựng trường mầm non Xuân Đình C, tổ dân phố Tân Xuân, phường Xuân Đình	Phường Xuân Đình	2012-2023	Số 4771/QĐ-UBND	30/11/2021	104.364	9.672	10.324	10.324	70.500		70.500	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
23	Xây dựng trường mầm non Đức Thắng	Phường Đức Thắng	2014-2023	Số 4771/QĐ-UBND	30/11/2021	70.093		1.626	1.626	49.000		49.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
	Dự án khởi công mới	0	0	0	0	73.925	6.389	0	0	49.200	0	49.200	

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lấy kế giai ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Cải tạo, xây dựng bổ sung phòng học trường THCS Tây Tựu	Tây Tựu	2021-2023	4252/QĐ-UBND	15/11/2021	70.282	6.389			46.200		46.200	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
2	Mở rộng trường Tiểu học Tây Tựu A	Tây Tựu	2022-2023	4952/QĐ-UBND	8/12/2021	3.643				3.000		3.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
III	Lĩnh vực Văn hóa, thông tin	0				151.981	4.859	45.312	94.198	53.700	4.000	49.700	0
*	Dự án chuyển tiếp	0	0	0	43.451	136.705	4.565	45.312	94.198	41.500	4.000	37.500	0
1	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Cổ Nhuế 1	Phường Cổ Nhuế 1	2017-2022	3017/QĐ-UBND	26/7/2016	19.850	2.177	6.912	16.698	7.000		7.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
2	Xây dựng trung tâm văn hóa thể thao phường Xuân Tảo	Xuân Tảo	2020-2023	20/NQ-HĐND	17/12/2018	34.379	1.719		16.000	15.000		15.000	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
3	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao phường Liên Mạc	Phường Liên Mạc	2019-2021	4026/QĐ-UBND	04/11/2021	50.706	606	31.402	42.902	6.500		6.500	Ban QLDA ĐTXD quận Bắc Từ Liêm
4	Cải tạo, chỉnh trang nhà văn hóa TDP Tân Phong, Cầu 7, Hồng Ngự, Đình, phường Thụy Phương	Thụy Phương	2021-2022	3697/QĐ-UBND	19/10/2021	3.240			2.000	1.000		1.000	UBND phường Thụy phương
5	Cải tạo, chỉnh trang nhà văn hóa tổ dân phố Đông Ba 1, phường Thượng Cát	Thượng Cát	2021-2022	4020/QĐ-UBND	4/11/2021	1.337			800	400		400	UBND phường Thượng Cát
6	Xây dựng nhà văn hóa TDP Thượng 3, phường Tây Tựu	Tây Tựu	2021-2022	3968/QĐ-UBND	2/11/2021	2.992			1.500	1.300		1.300	UBND phường Tây Tựu
7	Cải tạo, chỉnh trang nhà văn hóa tổ dân phố Phúc Lý 2, phường Minh Khai	Minh Khai	2021-2022	4020/QĐ-UBND	4/11/2021	1.334			700	500		500	UBND phường Minh Khai

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8	Xây dựng nhà văn hóa kết hợp điểm vui chơi tổ dân phố số 7, phường Phúc Diễn	Phúc Diễn	2021-2022	4024/QĐ-UBND	4/11/2021	7.469			3.000	4.000	4.000		UBND phường Phúc Diễn
9	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Đồng 3 và Đồng 4, phường Cổ Nhuế 2	Phường Cổ Nhuế 2	Cổ Nhuế 2	2017-quý II/2022	Số 8128/QĐ-UBND	30/10/2017	5.035	1.975	1.975	2.800		2.800	UBND phường Cổ Nhuế 2
10	Xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Trù 3 và Trù 4, phường Cổ Nhuế 2	Phường Cổ Nhuế 3	Cổ Nhuế 2	2017-quý II/2022	Số 4768/QĐ-UBND	27/10/2015	6.533	5.023	5.023	1.400		1.400	UBND phường Cổ Nhuế 2
11	Xây dựng nhà văn hóa Thượng Cát 4, phường Thượng Cát	Thượng Cát		2019-2021	5554/QĐ-UBND	8/10/2019	3.830	63	0	3.600	1.600	1.600	UBND phường Thượng Cát
*	Dự án khởi công mới	0	0	0	0	15.276	294	0	0	12.200	0	12.200	
1	Cải tạo, chỉnh trang nhà văn hóa TDP TDP Yên Nội 3, phường Liên Mạc	Liên Mạc		2022-2023	Số 4903/QĐ-UBND	6/12/2021	3.984	160		3.600		3.600	UBND phường Liên Mạc
2	Cải tạo, chỉnh trang nhà văn hóa TDP Hoàng Liên 3, phường Liên Mạc	Liên Mạc		2022-2023	Số 4931/QĐ-UBND	6/12/2021	3.904	134		3.600		3.600	UBND phường Liên Mạc
3	Cải tạo, chỉnh trang Trung tâm văn hóa thể thao phường Cổ Nhuế 2	Cổ Nhuế 2		2021-2022	Số 5005/QĐ-UBND	10/12/2021	7.388			5.000		5.000	UBND phường Cổ Nhuế 2
IV	Lĩnh vực Văn hóa di tích	#VALUE!				40.545	2.484	0	14.000	15.500	0	15.500	UBND phường Tây Tựu
*	Dự án chuyển tiếp	0	0	0	0	23.311	2.483	0	14.000	7.000	0	7.000	UBND phường Thượng Cát
1	Tu bổ, tôn tạo Đình viên, phường Cổ Nhuế 2	Phường Cổ Nhuế 2		2020-2022	6162/QĐ-UBND	30/10/2020	12.912	1.174	7.000	5.000		5.000	Ban QLDA ĐTXD Quận

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Tu sửa cấp thiết di tích quốc gia đặc biệt đình Chèm, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm	Thụy Phương	2020-2022	6423/QĐ-UBND	20/11/2020	10.399	1.309		7.000	2.000		2.000	UBND phường Phú Diễn
*	Dự án khởi công mới	#VALUE!	#####	#VALUE!	89.080	17.234	1	0	0	8.500	0	8.500	
1	Cải tạo chỉnh trang đài tưởng niệm liệt sỹ phường Cổ Nhuế 1	Cổ Nhuế 1	2022-2023	4991/QĐ-UBND	10/12/2021	2.078				1.500		1.500	UBND phường Cổ Nhuế 1
2	Tu bổ, tôn tạo chùa Đức Diển, phường Phúc Diễn	Phúc Diễn	2022-2023	4992/QĐ-UBND	10/12/2021	15.156	1			7.000		7.000	UBND phường Phúc Diễn
V	Lĩnh vực Môi trường					138.486	540	85.617	95.539	14.100	1.000	13.100	
*	Dự án chuyển tiếp	0	0	0	0	135.550	540	85.617	95.539	12.000	1.000	11.000	
1	Mở rộng nghĩa trang Tây Tựu	Tây Tựu	2008-2023	Số 414/QĐ-UBND	22/2/2008	95.007		71.753	71.753	1.000	1.000		Ban QLDA ĐTXD Quận
2	Cải tạo, chỉnh trang khu lưu niệm Bác Hồ, phường Phú Diễn	Phú Diễn	2021-2022	3986/QĐ-UBND	3/11/2021	10.408			4.000	5.000		5.000	UBND phường Phú Diễn
3	Xây dựng điểm vui chơi tổ dân phố Hoàng 9, 15, 8, 12, phường Cổ Nhuế 1	Cổ Nhuế 1	2018-2022	3800/QĐ-UBND	15/5/2017	11.568	540	441	4.441	3.000		3.000	Ban QLDA ĐTXD Quận
4	Xây kè đá và cải tạo môi trường hồ Tân phương, phường Thụy Phương	Thụy Phương	2019-2022	6086/QĐ-UBND	31/10/2018	18.567		13.423	15.345	3.000		3.000	Ban QLDA ĐTXD Quận
*	Dự án khởi công mới năm 2022	0	0	0	0	2.936	0	0	0	2.100	0	2.100	

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lũy kế giá trị ngân từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Xây dựng điểm vui chơi ngoài trời TDP Viên 1, phường Cổ Nhuế 2	Cổ Nhuế 2	2022-2023	5001/QĐ-UBND	10/12/2021	1.117				800		800	UBND phường Cổ Nhuế 2
2	Xây dựng điểm vui chơi kết hợp vườn hoa cây xanh hồ Cự Bát TDP Đại Cát 3	Liên Mạc	2022-2023	4668/QĐ-UBND	21/11/2021	1.819				1.300		1.300	UBND phường Liên Mạc
VI	Lĩnh vực hoạt động quản lý nhà nước					8.826	31	0	810	6.300	6.000	300	
*	Dự án chuyển tiếp					1.190	0	0	810	300	0	300	
1	Cải tạo khối nhà cũ trụ sở UBND phường Thụy Phương	Thụy Phương	2021-2022	3936/QĐ-UBND	29/10/2021	1.190			810	300		300	Ban QLDA ĐTXD Quận
*	Dự án khởi công mới					7.636	31	0	0	6.000	6.000	0	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND phường Liên Mạc	Liên Mạc	2021-2023	4791/QĐ-UBND	29/10/2021	7.636	31			6.000	6.000		UBND phường Liên Mạc
VII	Lĩnh vực Y tế, dân số và gia đình						6.803	36.411	60.911	2.500	0	2.500	
	Dự án chuyển tiếp						6.803	36.411	60.911	2.500	0	2.500	
1	Xây dựng trung tâm y tế quận Bắc Từ Liêm	Phường Minh Khai	2019-2022	6210/QĐ-UBND	31/10/2019	74.843	6.803	36.411	60.911	2.500		2.500	Ban QLDA ĐTXD Quận
VIII	Lĩnh vực khác						1.783	126.809	143.159	35.000	0	35.000	0
	Dự án chuyển tiếp						1.783	126.809	143.159	35.000	0	35.000	0
1	Xây dựng HTKT để đấu giá QSD đất khu 3ha, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Phường Phú Diễn	2016-2021	2053/QĐ-UBND	29/4/2016	57.914	1.783	23.087	30.437	15.000		15.000	Ban QLDA

	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian thực hiện	Số Quyết định	Ngày, tháng năm	Tổng mức đầu tư		Lũy kế giai đoạn từ đầu dự án đến hết 31/01/2021	đã bố trí từ đầu dự án đến hết Kế hoạch năm 2021				Chủ đầu tư
						Tổng mức đầu tư	Trong đó CP DP			Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	Nguồn thu sử dụng đất	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2	Xây dựng HTKT khu đất dịch vụ tại ô đất quy hoạch DV 12 phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm	Phường Tây Tựu	2018-2021	Số 5710/QĐ-TP	23/10/2018	148.065		103.722	112.722	20.000		20.000	Ban QLDA

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2021

STT	NỘI DUNG	Dự toán Quận giao năm 2021	ƯTH NĂM 2021	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH QUẬN	4.781.145	4.811.231	100,6%	96,5%
I	Thu ngân sách quận được hưởng theo phân cấp	1.298.380	1.328.466	102,3%	68,8%
-	Thu ngân sách quận hưởng 100%	383.600	659.021	171,8%	85,2%
-	Thu ngân sách quận hưởng từ các khoản thu phân chia	914.780	669.446	73,2%	57,8%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	95.946	95.946	100,0%	122,5%
-	Thu bổ sung cân đối	34.312	34.312	100,0%	100,0%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	61.634	61.634	100,0%	140,0%
III	Thu kết dư	1.392.350	1.392.350	100,0%	90,7%
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	1.994.469	1.994.469	100,0%	138,4%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.520.376	1.413.944	93,0%	88,8%
I	Tổng chi cân đối ngân sách quận	1.458.742	1.352.310	92,7%	87,0%
1	Chi đầu tư phát triển	686.864	580.432	84,5%	64,0%
2	Chi thường xuyên	702.303	702.303	100,0%	108,4%
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	69.575	69.575	100,0%	
II	Chi mục tiêu từ NS TP	61.634	61.634	100,0%	161,7%

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước TH năm 2021	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	3.178.400	3.210.184	101,0%	73,3%
I	Thu thuế, phí lệ phí, thu khác	1.987.400	2.430.913	122,3%	120,6%
1	Thuế công thương nghiệp dịch vụ NQD	1.077.700	867.170	80,5%	84,4%
-	Thuế giá trị gia tăng	651.700	546.133	83,8%	90,1%
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.000	1.740	87,0%	114,4%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	421.900	315.721	74,8%	75,7%
-	Thuế tài nguyên	2.100	3.576	170,3%	104,2%
2	Lệ phí trước bạ	337.600	285.515	84,6%	90,4%
-	Lệ phí trước bạ nhà đất	90.400	93.250	103,2%	93,8%
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy.	247.200	192.265	77,8%	88,8%
3	Thuế đất phi nông nghiệp + nhà đất	27.000	28.052	103,9%	93,3%
4	Thuế thu nhập cá nhân	300.000	357.320	119,1%	123,0%
5	Phí, lệ phí	38.600	442.828	1147,2%	2376,7%
-	Phí, lệ phí Quận	18.921	17.312	91,5%	117,0%
-	Phí, lệ phí phường	3.679	2.484	67,5%	64,8%
-	Phí, lệ phí Trung ương	16.000	423.032	2644,0%	
6	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	170.000	295.461	173,8%	97,3%
7	Thu đền bù thiệt hại khi NN thu hồi đất		1.622		170,1%
8	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công	300	132	44,0%	54,4%
9	Thu khác ngân sách	36.200	78.869	217,9%	385,6%
-	Thu khác ngân sách Quận	34.335	77.721	226,4%	431,7%
-	Thu khác ngân sách phường	1.865	1.148	61,6%	46,9%
10	Thu đóng góp cơ sở hạ tầng		73.944		883,9%
II	Thu tiền sử dụng đất	1.191.000	779.270	65,4%	33,0%
-	Thu đối với đất có quy mô từ 5000m2 trở lên hoặc dưới 5000m2 tiếp giáp đường phố	1.156.000	582.776	50,4%	28,1%
+	Thu giao đất dự án	206.000	465.851	226,1%	25,6%
+	Thu đất đấu giá	950.000	116.925	12,3%	45,6%
-	Đất có quy mô dưới 5000m2 (nhỏ lẻ xen)	35.000	196.494	561,4%	68,2%
+	Thu đấu giá đất		29.438		480,0%

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2021	Ước TH năm 2021	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
+	<i>Thu khác</i>	35.000	167.056	477,3%	59,2%
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH QUẬN	1.394.326	1.424.412	102,2%	70,9%
I	Thu ngân sách quận hưởng theo phân	1.298.380	1.328.466	102,3%	68,8%
-	Các khoản thu hưởng 100%	383.600	659.021	171,8%	85,2%
-	Các khoản thu hưởng theo tỷ lệ điều tiết	914.780	669.446	73,2%	57,8%
II	Thu bổ sung từ ngân sách Thành phố	95.946	95.946	100,0%	122,5%
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách TP	34.312	34.312	100,0%	100,0%
2	Thu mục tiêu từ ngân sách thành phố	61.634	61.634	100,0%	140,0%

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH QUẬN NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán Quận giao năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH QUẬN	1.520.376	1.413.944	93,0%	88,8%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH QUẬN	1.458.742	1.352.310	92,7%	87,0%
I	Chi đầu tư phát triển	686.864	580.432	84,5%	64,0%
1	Chi đầu tư cho các dự án	686.864	580.432	84,5%	64,0%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	702.303	702.303	100,0%	108,4%
	<i>Trong đó:</i>				
1	- Chi giáo dục và đào tạo	309.875	309.875	100,0%	97,5%
2	- Chi y tế, dân số và gia đình	20.941	20.941	100,0%	111,3%
3	- Chi văn hóa - thể thao - du lịch	12.636	12.636	100,0%	120,6%
4	- Chi phát thanh, truyền hình	291	291	100,0%	86,6%
6	- Chi SN môi trường	51.767	51.767	100,0%	106,3%
7	- Chi SN kinh tế	28.193	28.193	100,0%	118,4%
8	- Chi Quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	153.636	153.636	100,0%	107,9%
9	- Sự nghiệp đảm bảo xã hội	73.054	73.054	100,0%	158,7%
10	- Chi quốc phòng	26.493	26.493	100,0%	180,6%
11	- Chi an ninh	12.463	12.463	100,0%	104,0%
12	- Chi khác ngân sách	12.954	12.954	100,0%	99,2%
III	Chi dành nguồn CCTL	69.575	69.575	100,0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	61.634	61.634	100,0%	161,7%
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	61.634	61.634	100,0%	161,7%